

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Don Di Lam	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Chí Công	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01 tháng 9 năm 2010)

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 2 tháng 12 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 764.716 triệu VNĐ (năm 2009: 1.197.995 triệu VNĐ).

Vào ngày 30 tháng 3 năm 2010, Công ty đã công bố chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 2:1. Cổ tức chia bằng cổ phiếu này được trích từ lợi nhuận chưa phân phối cho tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty. Cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 1 tháng 7 năm 2010.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 3 tháng 11 năm 2010 đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu.

Các sự kiện lớn trong năm

- Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng 60% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 10% được tạm ứng bằng tiền mặt vào năm 2009 và 50% còn lại được thanh toán bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1. Theo đó, Công ty đã thực hiện tăng vốn cổ phần từ 1.963.639.980.000 VNĐ lên 2.945.459.940.000 VNĐ theo phương thức chia cổ tức năm 2009 cho các cổ đông bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1;
- Ngày 10 tháng 5 năm 2010, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn cổ phần trong Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam, tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Golden Gain Việt Nam lên 60% với giá trị tương ứng là 260 tỷ VNĐ;
- Ngày 2 tháng 6 năm 2010, Công ty đã nhận chuyển nhượng vốn góp và tăng phần vốn góp của mình trong Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát, nâng tỷ lệ sở hữu từ 50% lên 99,86%;
- Ngày 21 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 800 trái phiếu lãi suất thả nổi, thời hạn 3 năm, không có tài sản đảm bảo với tổng trị giá là 800 tỷ VNĐ;
- Ngày 3 tháng 11 năm 2010 Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu;
- Vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 870.000 trái phiếu chuyển đổi tương đương với số tiền 870 tỷ VNĐ thành 23.303.766 cổ phiếu của Công ty. Theo đó vốn cổ phần của Công ty tăng từ 2.945.459.940.000 VNĐ lên 3.178.497.600.000 VNĐ. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngoại trừ các thông tin được công bố tại Thuyết minh số 30 cho báo cáo tài chính riêng này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng ;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 01 - 03 - 2011



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt cho phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán ngày 10 tháng 3 năm 2010.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-037-a



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

08 -03- 2011

Đàm Xuân Lâm

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		2.230.269.492.598	2.061.991.371.253
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	265.598.819.170	695.802.179.591
Tiền	111		57.228.250.429	395.305.614.477
Các khoản tương đương tiền	112		208.370.568.741	300.496.565.114
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9	273.690.000.000	5.000.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		273.690.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	781.117.940.956	508.302.404.805
Phải thu khách hàng	131		714.114.276.177	266.018.945.572
Trả trước cho người bán	132		44.407.988.137	9.299.365.785
Các khoản phải thu khác	135		22.595.676.642	232.984.093.448
Hàng tồn kho	140	5	885.574.314.654	677.216.995.018
Hàng tồn kho	141		886.594.600.390	678.087.589.045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.020.285.736)	(870.594.027)
Tài sản ngắn hạn khác	150		24.288.417.818	175.669.791.839
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.119.030.173	2.588.123.955
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.569.187.921	13.312.992.347
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	2.041.438
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.600.199.724	159.766.634.099
Tài sản dài hạn	200		6.272.686.792.796	4.398.003.255.542
Các khoản phải thu dài hạn	210	4	738.979.590.000	145.300.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		738.979.590.000	145.300.000.000
Tài sản cố định	220		206.904.693.128	426.183.083.581
Tài sản cố định hữu hình	221	6	197.720.795.887	247.789.175.965
<i>Nguyên giá</i>	222		558.078.406.927	537.391.011.552
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(360.357.611.040)	(289.601.835.587)
Tài sản cố định vô hình	227	7	8.474.972.300	172.918.070.028
<i>Nguyên giá</i>	228		10.905.882.663	174.973.162.663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.430.910.363)	(2.055.092.635)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	708.924.941	5.475.837.588

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	9	5.309.146.932.986	3.820.532.661.318
Đầu tư vào công ty con	251		4.533.053.932.986	2.794.432.661.318
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		529.250.000.000	914.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		246.843.000.000	111.600.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		17.655.576.682	5.987.510.643
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	10.675.834.832	2.348.481.519
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	4.314.391.850	973.679.124
Tài sản dài hạn khác	268		2.665.350.000	2.665.350.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.502.956.285.394	6.459.994.626.795
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		2.945.739.546.348	1.895.741.457.728
Nợ ngắn hạn	310		1.692.486.093.848	1.891.796.008.228
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	628.315.766.843	1.602.379.475.074
Phải trả người bán	312	13	580.973.330.578	130.145.377.831
Người mua trả tiền trước	313		77.269.920.548	9.296.373.315
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	62.395.540.090	69.298.476.503
Phải trả người lao động	315		5.953.153.019	4.883.953.081
Chi phí phải trả	316	15	57.875.354.508	4.080.493.925
Các khoản phải trả khác	319	16	245.990.148.472	25.247.846.418
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		33.712.879.790	46.464.012.081
Vay và nợ dài hạn	330		1.253.253.452.500	3.945.449.500
Phải trả dài hạn khác	333	16	448.979.590.000	-
Vay dài hạn	334	17	800.000.000.000	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		4.273.862.500	3.945.449.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.557.216.739.046	4.564.253.169.067
Vốn chủ sở hữu	410		5.557.216.739.046	4.564.253.169.067
Vốn cổ phần	411	18	3.178.497.600.000	1.963.639.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.257.862.350.000	1.620.900.010.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(6.736.706.546)
Quỹ dự phòng tài chính	418	19	86.611.964.000	69.297.752.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		34.244.825.046	917.152.133.613
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.502.956.285.394	6.459.994.626.795

Người lập:

Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

01 - 03 - 2011

Người duyệt:

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	20	8.046.390.146.385	4.052.349.942.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	88.452.613.735	42.596.674.885
Doanh thu thuần	10		7.957.937.532.650	4.009.753.267.820
Giá vốn hàng bán	11	21	7.424.465.318.961	3.182.080.934.647
Lợi nhuận gộp	20		533.472.213.689	827.672.333.173
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	538.960.228.261	631.216.646.408
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			419.130.089.345	581.733.764.380
Chi phí tài chính	22	23	161.813.528.908	127.410.109.929
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		102.643.011.030	19.800.089.881
Chi phí bán hàng	24		45.895.274.102	29.807.263.610
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		42.092.118.110	38.269.236.774
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		822.631.520.830	1.263.402.369.268
Thu nhập khác	31	24	174.196.996.662	5.261.261.442
Chi phí khác	32	25	172.762.392.075	457.967.306
Kết quả từ các hoạt động khác	40		1.434.604.587	4.803.294.136
Lợi nhuận trước thuế	50		824.066.125.417	1.268.205.663.404
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	62.690.454.710	71.111.457.294
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	26	(3.340.712.726)	(900.702.061)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		764.716.383.433	1.197.994.908.171

Người lập:

Lý Thị Ngân
Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng

01 - 03 - 2011



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	-	38.474.752.000	192.458.221.442	3.815.472.963.442
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(6.736.706.546)	-	-	(6.736.706.546)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.197.994.908.171	1.197.994.908.171
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	30.823.000.000	(70.823.000.000)	(40.000.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	(392.727.996.000)	(392.727.996.000)
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(9.750.000.000)	(9.750.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	(6.736.706.546)	69.297.752.000	917.152.133.613	4.564.253.169.067
Vốn cổ phần đã phát hành bằng cách trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	981.819.960.000	-	-	-	(981.819.960.000)	-
Tạm ứng cổ tức năm 2010 (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	(635.699.520.000)	(635.699.520.000)
Vốn cổ phần đã phát hành từ chuyển đổi trái phiếu	233.037.660.000	636.962.340.000	-	-	-	870.000.000.000
Chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	6.736.706.546	-	-	6.736.706.546
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	764.716.383.433	764.716.383.433
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	17.314.212.000	(27.314.212.000)	(10.000.000.000)
Thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.790.000.000)	(2.790.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.178.497.600.000	2.257.862.350.000	-	86.611.964.000	34.244.825.046	5.557.216.739.046

Người lập:

Lý Thị Ngạn

Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

01-03-2011



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		824.066.125.417	1.268.205.663.404
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và khấu trừ	02		75.969.195.339	73.525.362.913
Các khoản dự phòng	03		478.104.709	(94.823.574.970)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		14.726.683.500	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(535.855.380.728)	(629.665.800.571)
Chi phí lãi vay	06		102.643.011.030	19.800.089.881
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		482.027.739.267	637.041.740.657
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(456.445.658.205)	(300.959.151.309)
Biến động hàng tồn kho	10		(208.507.011.345)	(212.509.552.641)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		517.505.609.275	14.431.063.640
Biến động chi phí trả trước	12		(8.858.259.531)	(2.352.310.160)
			325.722.419.461	135.651.790.187
Tiền lãi vay đã trả	13		(49.494.186.458)	(19.479.644.784)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(63.722.992.685)	(18.520.614.124)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		108.096.956.502	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.694.282.291)	(176.619.473.429)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh	20		294.907.914.529	(78.967.942.150)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.123.383.350)	(17.405.137.464)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		171.967.515.939	60.952.381
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(403.933.000.000)	360.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(1.037.247.834.135)	(1.355.762.349.020)
Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		522.341.983.247	627.964.771.616
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(775.994.718.299)	(384.741.762.487)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		3.188.391.636.256	3.203.925.417.030
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.505.850.151.151)	(1.825.541.450.523)
Tiền trả cổ tức	36		(635.377.400.000)	(392.777.176.000)
Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40		47.164.085.105	985.606.790.507
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(433.922.718.665)	521.897.085.870
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		695.802.179.591	177.607.212.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		3.719.358.244	(3.702.118.543)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	265.598.819.170	695.802.179.591

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	981.819.960.000	-
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	870.000.000.000	-
Chuyển từ các khoản vay cấp cho công ty con sang đầu tư dài hạn vào các công ty con	50.362.000.000	190.000.000.000
Chuyển từ khoản đặt cọc tại một công ty con sang đầu tư dài hạn vào công ty con này	43.731.118.200	-
Nhận ủy thác đầu tư từ một công ty liên kết	448.979.590.000	-

Người lập:



01 - 03 - 2011

Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là:

- xuất nhập khẩu và kinh doanh thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- sản xuất cán, kéo thép, sản xuất tôn lợp;
- sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox; và
- đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 947 nhân viên (31/12/2009: 984 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Trong năm 2009, Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái mà theo đó các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phép hoãn lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán chuyển sang áp dụng Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc Thay đổi Tỷ giá Hối đoái, chuẩn mực này yêu cầu chênh lệch tỷ giá hối đoái, bao gồm chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại vào cuối kỳ các khoản mục tài sản và nợ phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Ban Giám đốc của Công ty tin rằng thay đổi chính sách kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả có gốc Đô la Mỹ (“USD”) theo tỷ giá dao động từ 19.500 VNĐ/1 USD đến 20.500 VNĐ/1 USD. Ban Giám đốc của Công ty tin rằng tỷ giá áp dụng bởi Công ty phù hợp với tỷ giá giao dịch trên thị trường và phản ánh chính xác hơn các khoản nợ phải trả có gốc USD tại ngày kết thúc niên độ so với tỷ giá bình quân liên ngân hàng là 18.932 VNĐ/1 USD công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Sau ngày kết thúc niên độ, tại ngày 1 tháng 3 năm 2011, tỷ giá bình quân liên ngân hàng của VNĐ đối với USD đã được điều chỉnh 9,2% từ 18.932 VNĐ/1 USD lên thành 20.668 VNĐ/1 USD.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.5 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc khi đơn vị được đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

2.8 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

2.9 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

2.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng và chi phí phát hành trái phiếu. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 5 năm.

2.11 Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

2.12 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

2.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

2.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

2.15 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

2.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

2.17 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

2.18 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

2.19 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	634.565.592	1.074.232.554
Tiền gửi ngân hàng	56.593.684.837	394.231.381.923
Các khoản tương đương tiền	208.370.568.741	300.496.565.114
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	265.598.819.170	695.802.179.591

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ xấp xỉ 1.528 triệu VNĐ (31/12/2009: 23.748 triệu VNĐ).

Không có tiền thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 64 triệu VNĐ).

4. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu thương mại có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	40.559.837.213	23.888.545.635

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại từ các bên thứ ba.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay cấp cho công ty con và công ty liên kết (*)	980.000.000	210.000.000.000
Đặt cọc	1.462.015.800	17.466.540.000
Tiền lãi dự thu	15.682.520.723	1.704.060.717
Các khoản phải thu khác	4.471.140.119	3.813.492.731
	22.595.676.642	232.984.093.448

(*) Đây là các khoản vay không có bảo đảm và có thời hạn hoàn trả dưới một năm tính từ ngày giải ngân khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản vay cấp cho các công ty con (*)	290.000.000.000	145.300.000.000
Khoản ủy thác đầu tư (**)	448.979.590.000	-
	738.979.590.000	145.300.000.000

(*) Các khoản vay này không có bảo đảm, chi tiết như sau:

Khoản vay cấp cho	Ngày bắt đầu	Ngày phải trả	31/12/2010 VNĐ
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	02/6/2009	02/6/2012	43.800.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	03/9/2009	03/9/2012	7.300.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	23/12/2009	23/12/2013	25.000.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	28/12/2009	28/12/2013	69.200.000.000
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	11/3/2010	11/3/2012	108.300.000.000
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	15/4/2010	15/4/2012	23.000.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	20/5/2010	20/5/2012	13.400.000.000
			290.000.000.000

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty đầu tư vào công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu, một công ty liên kết. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (xem Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	296.263.077.962	177.364.531.437
Nguyên vật liệu	228.548.297.572	335.445.595.879
Công cụ và dụng cụ	67.399.261.395	40.805.432.500
Thành phẩm	293.979.856.704	124.067.922.472
Hàng hóa	404.106.757	404.106.757
	886.594.600.390	678.087.589.045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.020.285.736)	(870.594.027)
	885.574.314.654	677.216.995.018

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Số dư đầu năm	(870.594.027)	(95.694.168.997)
Tăng dự phòng trong năm	(3.664.450.856)	-
Hoàn nhập trong năm	3.514.759.147	94.823.574.970
Số dư cuối năm	(1.020.285.736)	(870.594.027)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 283.980 triệu VNĐ (31/12/2009: 269.115 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	87.730.198.843	3.339.922.846	407.225.893.538	39.094.996.325	537.391.011.552
Tăng trong năm	3.828.878.607	4.697.206.818	2.976.433.694	1.851.784.544	13.354.303.663
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.263.830.334	-	19.272.162.000	-	20.535.992.334
Thanh lý	(4.347.538.243)	(426.799.397)	(2.475.849.651)	(5.952.713.331)	(13.202.900.622)
Số dư cuối năm	88.475.369.541	7.610.330.267	426.968.639.581	34.994.067.538	558.078.406.927
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	39.451.341.054	1.519.970.423	233.700.157.403	14.930.366.707	289.601.835.587
Khấu hao trong năm	8.841.745.025	1.053.030.045	59.926.561.650	5.772.040.891	75.593.377.611
Thanh lý	(145.555.979)	(316.247.078)	(716.792.621)	(3.659.006.480)	(4.837.602.158)
Số dư cuối năm	48.147.530.100	2.256.753.390	292.909.926.432	17.043.401.118	360.357.611.040
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	48.278.857.789	1.819.952.423	173.525.736.135	24.164.629.618	247.789.175.965
Số dư cuối năm	40.327.839.441	5.353.576.877	134.088.713.149	17.950.666.420	197.720.795.887

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản trị giá 8.008 triệu VNĐ đã khấu hao hết (31/12/2009: 2.796 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 108.920 triệu VNĐ (31/12/2009: 220.398 triệu VNĐ) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty. Giá trị của các tài sản cố định này được định giá bởi các ngân hàng vào ngày ký hợp đồng vay là 196.120 triệu VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	173.911.477.263	1.061.685.400	174.973.162.663
Thanh lý	(164.067.280.000)	-	(164.067.280.000)
Số dư cuối năm	9.844.197.263	1.061.685.400	10.905.882.663
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.835.263.608	219.829.027	2.055.092.635
Khấu hao trong năm	202.536.828	173.280.900	375.817.728
Số dư cuối năm	2.037.800.436	393.109.927	2.430.910.363
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	172.076.213.655	841.856.373	172.918.070.028
Số dư cuối năm	7.806.396.827	668.575.473	8.474.972.300

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 có các tài sản với nguyên giá 22 triệu VNĐ đã được khấu hao hết (31/12/2009: 22 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	5.475.837.588	65.803.945
Tăng trong năm	15.769.079.687	5.475.837.588
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.535.992.334)	(65.803.945)
Số dư cuối năm	708.924.941	5.475.837.588

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****9. Các khoản đầu tư****9.1 Các khoản đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Thương mại CP Dầu khí Toàn cầu – Chi nhánh Hoàn Kiếm	101.600.000.000	-
Ngân hàng Thương mại CP Bắc Á – Phòng Giao dịch Kim Liên	62.990.000.000	-
Ngân hàng Thương mại CP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội	84.500.000.000	-
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát (*)	8.500.000.000	-
Công ty CP Xi măng Hòa Phát (*)	16.100.000.000	-
Công ty CP Golden Gain Việt Nam	-	5.000.000.000
	273.690.000.000	5.000.000.000

(*) Đây là các khoản vay cấp cho các công ty con và công ty liên kết, không có bảo đảm và có thời hạn hoàn trả dưới một năm tính từ ngày giải ngân khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

9.2 Các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2010			31/12/2009		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VNĐ	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VNĐ
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	99,64%	99,64%	139.500.000.000	99,64%	99,64%	139.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	99,50%	99,50%	199.000.000.000	99,50%	99,50%	199.000.000.000
• Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	99,82%	99,82%	279.500.000.000	99,82%	99,82%	254.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	99,67%	99,67%	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	299.000.000.000	99,67%	99,67%	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	99,00%	99,00%	49.500.000.000	99,00%	99,00%	49.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	85,00%	85,00%	1.275.000.000.000	85,00%	85,00%	1.275.000.000.000
• Công ty TNHH Hòa Phát – Lào	100%	100%	13.004.695.453	100%	100%	13.401.861.318
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,90%	99,90%	545.030.800.000	99,90%	99,90%	415.030.800.000
• Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát – Bình Định	100%	100%	20.000.000.000	-	-	-
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	60%	60%	525.636.437.533	-	-	-
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát (*)	99,86%	99,86%	1.038.350.000.000	-	-	-
• Công ty TNHH một thành viên Thép Hòa Phát	100%	100%	32.000.000	-	-	-
▪ Công ty liên kết						
• Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	49%	49%	73.500.000.000	49%	49%	73.500.000.000
• Công ty CP Xi măng Hòa Phát	50%	50%	300.000.000.000	50%	50%	300.000.000.000
• Công ty CP Bất động sản Hòa Phát – Á Châu	30%	30%	151.000.000.000	30%	30%	151.000.000.000
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát (*)			-	50%	50%	390.000.000.000
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	38%	38%	4.750.000.000		40%	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác (**)			246.843.000.000			111.600.000.000
			<u>5.309.146.932.986</u>			<u>3.820.532.661.318</u>

(*) Trong năm, Công ty tiến hành mua cổ phiếu để tăng vốn cổ phần của Công ty tại Công ty CP Năng lượng Hòa Phát từ 50% lên 99,86%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

(**) Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Hà Nội	-	70.000.000.000
Công ty CP Thép Hòa Phát (***)	144.530.000.000	-
Công ty CP Golden Gain Việt Nam (***)	12.500.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát (***)	10.000.000.000	-
Công ty CP Khoáng sản Đức Long	10.000.000.000	-
Công ty CP Sắt Thạch Khê	69.813.000.000	41.600.000.000
	246.843.000.000	111.600.000.000

(***) Đây là các khoản vay không có đảm bảo, cấp cho các công ty con và công ty liên kết.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng và nhà xưởng VNĐ	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Chi phí phát hành trái phiếu VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	1.261.974.583	1.086.506.936	-	2.348.481.519
Tăng trong năm	5.015.457.143	1.152.316.903	5.592.225.000	11.759.999.046
Phân bổ trong năm	(1.155.531.274)	(1.500.416.543)	(776.697.916)	(3.432.645.733)
Số dư cuối năm	5.121.900.452	738.407.296	4.815.527.084	10.675.834.832

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	512.380.634	324.073.085
Lợi nhuận chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng giữa các chi nhánh của Công ty	79.251.123	649.606.039
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.722.760.093	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	4.314.391.850	973.679.124

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****12. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	628.315.766.843	482.379.475.074
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.120.000.000.000
	628.315.766.843	1.602.379.475.074

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các khoản vay ngắn hạn bao gồm các hợp đồng vay ngắn hạn từ năm ngân hàng sau với hạn mức tối đa là 22,5 triệu USD và 800.000 triệu VNĐ:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Sở giao dịch	-	7.303.845.630
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	148.060.561.155	27.730.324.204
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	165.041.327.220	34.186.572.585
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	45.341.952.050	75.911.225.615
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	142.402.290.415	157.270.028.213
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Thăng Long	-	3.835.416.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	127.469.636.003	176.142.062.827
	628.315.766.843	482.379.475.074

Khoản vay bằng USD được đảm bảo bởi một số tài sản cố định của Công ty với giá trị ghi sổ là 13.686 triệu VNĐ, hàng tồn kho của Công ty với giá trị là 283.980 triệu VNĐ, khoản phải thu là 283.980 triệu VNĐ và chịu lãi suất trong khoảng từ 4,06% đến 7,5% (31/12/2009: từ 3,7% đến 4,5%) một năm. Khoản vay bằng USD còn nợ gốc phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 252.811 triệu VNĐ (31/12/2009: 144.596 triệu VNĐ).

Khoản vay bằng VNĐ được đảm bảo bởi một số tài sản cố định của Công ty với giá trị ghi sổ là 95.235 triệu VNĐ và 15 triệu cổ phiếu HPG với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu và chịu lãi suất trong khoảng từ 12,5% đến 16% (31/12/2009: từ 10,3% đến 12%) một năm. Khoản vay bằng VNĐ còn nợ gốc phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 354.566 triệu VNĐ (31/12/2009: 334.397 triệu VNĐ).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty phát hành 1.120.000 trái phiếu chuyển đổi với quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Trái phiếu chuyển đổi có tổng trị giá là 1.120.000 triệu VNĐ, với thời gian đáo hạn là 1 năm, giá chuyển đổi là 37.333 VNĐ/cổ phiếu. Vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 870.000 trái phiếu chuyển đổi thành 23.303.766 cổ phiếu, phần còn lại (250.000 triệu VNĐ) đã được thanh toán hết cho người mua trái phiếu chuyển đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****13. Các khoản phải trả – thương mại**

Bao gồm trong các khoản phải trả – thương mại có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải trả các công ty liên quan	433.566.041.016	42.437.958.751

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải trả thương mại cho các bên thứ ba.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	6.346.294.237	11.083.001.288
Thuế xuất nhập khẩu	210.403.141	3.289.625.205
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.804.251.394	54.836.789.369
Thuế thu nhập cá nhân	2.034.591.318	89.060.641
	62.395.540.090	69.298.476.503

15. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền điện	-	2.675.462.007
Chi phí lãi vay ngắn hạn	989.809.903	685.429.776
Chi phí lãi trái phiếu	52.844.444.445	-
Chi phí dịch vụ bay	1.626.661.212	-
Chi phí vận tải phải trả	1.620.000.000	-
Chi phí phải trả khác	794.438.948	719.602.142
	57.875.354.508	4.080.493.925

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****16. Các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	222.030.319.333	-
Nhận đặt cọc	-	17.427.042.040
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	16.639.923.312	2.664.544.873
Chiết khấu thương mại	5.841.062.240	3.728.364.620
Cổ tức	1.110.300.000	788.180.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	8.572.459	30.995.959
Các khoản phải trả, phải nộp khác	359.971.128	608.718.926
	245.990.148.472	25.247.846.418

Các khoản phải trả dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Khoản nhận ủy thác đầu tư	448.979.590.000	-

Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu, một công ty liên kết, để đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (xem Thuyết minh 4).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****17. Vay dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vay dài hạn bao gồm 800 trái phiếu lãi suất thả nổi, không đảm bảo (“Trái phiếu”) với tổng trị giá là 800 tỷ VNĐ với chi tiết trong bảng sau:

Ngày phát hành	Số lượng	Mệnh giá VNĐ	Lãi suất (năm)	Thời hạn (năm)
21/7/2010	800	1.000.000.000	(*)	3

(*) Trái phiếu được hưởng lãi suất 14,50%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2010 và được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch số 1), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở Giao dịch)) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,50%/năm cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp không có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau, các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ khác với kỳ hạn tương đương sẽ được sử dụng. Lãi Trái phiếu sẽ được thanh toán hàng năm vào ngày 21 tháng 7, đợt thanh toán đầu tiên là ngày 21 tháng 7 năm 2011.

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000
	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	196.363.998	1.963.639.980.000	196.363.998	1.963.639.980.000
Vốn cổ phần phát hành từ trả cổ tức bằng cổ phiếu	98.181.996	981.819.960.000	-	-
Vốn cổ phần phát hành từ trái phiếu chuyển đổi	23.303.766	233.037.660.000	-	-
Số dư cuối năm	317.849.760	3.178.497.600.000	196.363.998	1.963.639.980.000

19. Quỹ dự phòng tài chính

Theo Điều lệ Công ty, hàng năm Công ty trích 5% lợi nhuận thuần sau thuế (không bao gồm lợi nhuận từ các công ty con chuyển về) vào quỹ dự phòng tài chính trong phần vốn chủ sở hữu và được trích lập đến khi quỹ này không vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty.

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu	8.046.390.146.385	4.052.349.942.705
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	88.452.613.735	42.596.674.885
▪ Chiết khấu thương mại	72.492.878.825	38.071.877.055
▪ Hàng bán bị trả lại	15.959.734.910	4.524.797.830
Doanh thu thuần	7.957.937.532.650	4.009.753.267.820

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****21. Giá vốn hàng bán**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	4.887.430.778.947	3.229.094.657.857
▪ Hàng hoá đã bán	2.536.884.848.305	47.809.851.760
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.691.709	(94.823.574.970)
	7.424.465.318.961	3.182.080.934.647

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lãi tiền gửi và cho vay	117.190.353.908	47.935.067.953
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	419.130.089.345	581.733.764.380
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.639.785.008	1.547.814.075
	538.960.228.261	631.216.646.408

23. Chi phí tài chính

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	102.643.011.030	19.800.089.881
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ trong năm	776.697.916	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.667.136.462	107.610.020.048
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.726.683.500	-
	161.813.528.908	127.410.109.929

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****24. Thu nhập khác**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	171.967.515.939	60.952.381
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.169.290.059	2.748.475.290
Các khoản thu nhập khác	1.060.190.664	2.451.833.771
	174.196.996.662	5.261.261.442

25. Chi phí khác

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định đã thanh lý	172.432.578.464	63.984.143
Các chi phí khác	329.813.611	393.983.163
	172.762.392.075	457.967.306

26. Thuế thu nhập**26.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	65.847.522.050	71.111.457.294
Điều chỉnh cho các năm trước	(3.157.067.340)	-
	62.690.454.710	71.111.457.294
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(3.340.712.726)	(900.702.061)
Chi phí thuế thu nhập	59.349.741.984	70.210.755.233

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	824.066.125.417	1.268.205.663.404
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán (Lợi nhuận)/ lỗ chưa thực hiện	(6.766.281.331)	9.078.553.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.070.607.090	-
Chi phí không được khấu trừ khác	1.097.034.380	1.473.981.058
Cổ tức nhận được từ các công ty con	(419.130.089.345)	(581.733.764.380)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	423.337.396.211	697.024.433.620
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	65.847.522.050	71.111.457.294
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	54.836.789.369	2.245.946.199
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thừa năm trước	(3.157.067.340)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(63.722.992.685)	(18.520.614.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	53.804.251.394	54.836.789.369

26.3 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư của Công ty (số 01/ƯĐĐT-UB và số 35/ƯĐĐT-UB do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2002 và ngày 24 tháng 5 năm 2006, và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 05201000026 do Ban Quản lý khu Công nghiệp Phố Nối A cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007), Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập như sau:

- Với Nhà máy Cán thép, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm tính từ năm đầu tiên Nhà máy Cán thép có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập trong 4 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%.
- Đối với Nhà máy Luyện phôi thép, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế cho 15 năm đầu tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm tính từ năm đầu tiên Nhà máy Luyện phôi thép có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% đối với thuế suất thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****27. Cổ tức**

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng 60% mệnh giá cổ phiếu, trong đó 10% được tạm ứng bằng tiền mặt vào năm 2009 và 50% còn lại được thanh toán bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 2:1.

Cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 3 tháng 11 năm 2010 đã quyết định tạm ứng cổ tức tương ứng với 2.000 VNĐ/1 cổ phiếu.

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty con				
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát				
Bán hàng hóa	27.685.901.778	28.652.167.295	2.119.549.225	-
Mua hàng hóa	2.278.027.960	2.468.776.620	86.070.521	45.855.600
Các khoản cho vay	15.000.000.000	21.600.000.000	-	-
Thanh toán gốc vay	15.000.000.000	28.600.000.000	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	45.378.876.511	101.292.668.316	-	-
Công ty CP Nội thất Hòa Phát				
Bán hàng hóa	227.096.141	-	4.893.350	-
Mua hàng hóa	15.214.903.520	9.780.996.429	1.365.181.392	1.284.606.874
Các khoản cho vay	26.000.000.000	9.100.000.000	23.000.000.000	-
Thanh toán gốc vay	3.000.000.000	26.000.000.000	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	141.604.963.004	184.537.553.214	-	-
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát				
Bán hàng hóa	1.017.228.438	4.544.661.477	10.596.696	239.973.490
Mua hàng hóa	14.642.723.870	8.013.522.098	1.367.084.074	875.419.519
Các khoản cho vay	406.040.000.000	252.400.000.000	-	63.000.000.000
Thanh toán gốc vay	469.040.000.000	289.000.000.000	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	113.550.108.983	165.723.621.493	-	-
Góp vốn	25.000.000.000	55.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát				
Bán hàng hóa	327.246.694	-	195.914.716	-
Mua hàng hóa	2.961.765.254	1.639.836.639	269.642.501	174.044.220
Các khoản cho vay	54.600.000.000	26.200.000.000	13.400.000.000	-
Thanh toán gốc vay	41.200.000.000	73.100.000.000	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	5.700.000.000	59.685.193.312	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2010	2009	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>				
Bán hàng hóa	1.803.268.874	44.778.632.240	74.250.000	1.116.807.076
Mua hàng hóa	988.942.761	-	78.477.500	-
Các khoản cho vay	196.800.000.000	283.300.000.000	262.100.000.000	145.300.000.000
Thanh toán gốc vay	80.000.000.000	138.000.000.000	-	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	97.634.363.856	34.354.358.859	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>				
Bán hàng hóa	147.575.114.270	53.307.595.904	10.074.781.288	-
Mua hàng hóa	51.025.408.520	215.634.122.637	165.383.949	140.044.892
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	15.261.776.991	36.140.369.187	-	-
<i>Công ty CP Thép Hòa Phát</i>				
Bán hàng hóa	443.165.783.353	199.862.857.096	11.017.669.886	21.043.141.963
Mua hàng hóa	3.396.420.001.946	69.609.286.600	430.234.201.079	39.867.267.646
Các khoản cho vay	477.000.000.000	277.700.000.000	144.530.000.000	147.000.000.000
Thanh toán gốc vay	479.470.000.000	130.700.000.000	-	-
Góp vốn	-	144.700.000.000	-	-
<i>Công ty TNHH Hòa Phát – Lào</i>				
Góp vốn	-	8.431.549.020	-	-
<i>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>				
Bán hàng hóa	5.156.653.220	-	2.853.793.910	-
Góp vốn	130.000.000.000	415.030.800.000	-	-
<i>Công ty TNHH MTV Hòa Phát – Bình Định</i>				
Bán hàng hóa	74.612.379.163	-	11.948.536.966	-
Góp vốn	20.000.000.000	-	-	-
<i>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>				
Các khoản cho vay	12.500.000.000	-	12.500.000.000	5.000.000.000
Thanh toán gốc vay	5.000.000.000	-	-	-
Góp vốn	525.636.437.533	-	-	-
<i>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</i>				
Bán hàng hóa	21.075.904.260	-	2.259.851.176	-
Mua hàng hóa	1.200.769.089	-	-	-
Các khoản cho vay	86.721.000.000	-	-	-
Thanh toán gốc vay	36.359.000.000	-	-	-
Chuyển từ gốc vay sang vốn góp	50.362.000.000	-	-	-
Góp vốn	597.988.000.000	-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)**

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2010 VNĐ	2009 VNĐ	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty liên kết				
<i>Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát</i>				
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	-	-
<i>Công ty CP Bất động sản Hòa Phát – Á Châu</i>				
Góp vốn	-	151.000.000.000	-	-
Nhận ủy thác đầu tư	448.979.590.000	-	448.979.590.000	-
<i>Công ty CP Xi măng Hòa Phát</i>				
Các khoản cho vay	21.850.000.000	-	21.850.000.000	-
Thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị				
Tiền lương và thưởng	1.121.965.178	1.469.569.809		
Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	2.790.000.000	9.750.000.000		

29. Các cam kết**29.1 Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	-	130.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Bình Định	-	20.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Hòa Phát – Á Châu	389.000.000.000	389.000.000.000
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	7.250.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	599.968.000.000	-
	996.218.000.000	551.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

29.2 Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	6.546.989.655	5.546.025.773
Trong vòng hai đến năm năm	7.167.667.709	12.167.701.642
Sau năm năm	4.692.140.450	4.569.690.092
	18.406.797.814	22.283.417.507

29.3 Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty con như sau:

- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty CP Năng lượng Hòa Phát, một công ty con của Công ty, với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) với số tiền tối đa là 600.000 triệu VNĐ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“ACB”) với số tiền tối đa là 250.000 triệu VNĐ.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty CP Thép Hòa Phát, một công ty con của Công ty, với ACB với số tiền tối đa là 1.275.000 triệu VNĐ; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) với số tiền tối đa là 888.000 triệu VNĐ.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay đến hạn thanh toán của Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông, một công ty con của Công ty, với Ngân hàng Indovina với số tiền tối đa là 300.000 triệu VNĐ.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát, một công ty con của Công ty, với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam (“HSBC”) với số tiền tối đa là 12 triệu USD; ACB với số tiền tối đa là 200.000 triệu VNĐ, BIDV với số tiền tối đa là 300.000 triệu VNĐ và Ngân hàng Indovina với số tiền tối đa là 18 triệu USD.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát, một công ty con của Công ty, với HSBC với số tiền tối đa là 5 triệu USD.
- Công ty đã bảo lãnh cho các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát, một công ty con của Công ty, với ACB với số tiền tối đa là 120.000 triệu VNĐ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)****30. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Tại ngày 24 tháng 12 năm 2010, Hội đồng quản trị của Công ty đã ra quyết định chuyển giao Nhà máy Luyện phôi thép và Nhà máy Cán thép của Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát, một công ty con sở hữu 100% mới được thành lập ngày 24 tháng 12 năm 2010. Theo đó, tại ngày 1 tháng 1 năm 2011, toàn bộ các quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác của hai nhà máy trên đã được Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát.

Tài sản thuần của các hai nhà máy được chuyển giao tại ngày 1 tháng 1 năm 2011 như sau:

	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.734.174.276
Các khoản phải thu ngắn hạn	721.428.142.628
Hàng tồn kho	466.426.902.846
Tài sản ngắn hạn khác	3.064.787.546
Tài sản cố định hữu hình	179.771.942.553
Tài sản cố định vô hình	5.050.988.327
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	708.924.941
Tài sản dài hạn khác	3.606.919.341
Nợ ngắn hạn	(820.689.619.958)
Vay và nợ dài hạn	(4.135.162.500)
Tài sản thuần	599.968.000.000

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	5.363.119.814.681	3.166.429.823.598
Chi phí nhân công và trả lương nhân viên	49.873.868.384	43.787.308.414
Chi phí khấu hao	75.969.195.339	73.525.362.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.478.446.028	40.401.884.550
Chi phí khác	40.393.898.906	51.329.470.823

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

	31/12/2009 (Phân loại lại)	31/12/2009 (đã được trình bày trước đây)
	VNĐ	VNĐ
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ ngắn hạn)	46.464.012.081	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	46.464.012.081

Dzavor

Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc